

## **BÁO CÁO**

### **Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2018**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân huyện thông báo công khai số liệu (chi tiết tại các biểu số 93/CK-NSNN, 94/CK-NSNN, 95/CK-NSNN đính kèm) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018, cụ thể như sau:

#### **I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:**

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 09 tháng đầu năm 2018 là 176.961 triệu đồng, đạt 64% dự toán tỉnh giao, 62% dự toán địa phương và giảm 14% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 94/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa 174.228 triệu đồng, đạt 63% dự toán tỉnh giao, 62% dự toán địa phương, giảm 13% so với cùng kỳ năm 2018.

Một số khoản thu giảm so với cùng kỳ năm trước như thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên khu vực doanh nghiệp nhà nước, thuế thu nhập cá nhân. Một số khoản thu vượt tiến độ thực hiện so với dự toán giao đầu năm, cụ thể như: Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước 2.180 triệu đồng, đạt 545% dự toán địa phương, tăng 1.111% so với cùng kỳ năm trước; Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 61.824 triệu đồng, đạt 78% dự toán địa phương, giảm 12% so với cùng kỳ năm trước; Thu phí, lệ phí 2.819 triệu đồng, đạt 84% dự toán địa phương, giảm 33% so với cùng kỳ năm trước; Thu tiền sử dụng đất 5.730 triệu đồng, đạt 57% dự toán địa phương, tăng 59% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu huy động đóng góp là 2.733 triệu đồng, đạt 88% dự toán, bằng 50% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

\* Nhìn chung, tình hình thu NSNN trên địa bàn 09 tháng đầu năm 2018 có một số khoản thu đã đạt và vượt tiến độ dự toán đề ra, bên cạnh đó một số khoản thu từ nguồn thu thủy điện của khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương, địa phương quản lý, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chưa đạt so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là từ đầu năm đến nay trên địa bàn huyện có mưa



đều, tuy nhiên lượng mưa chưa đủ để phát huy hết công suất các nhà máy thủy điện trên địa bàn huyện nên cũng đã ảnh hưởng đến thu ngân sách huyện từ nguồn thu này.

### **III. Chi ngân sách địa phương (NSDP):** (Chi tiết như Biểu số 95/CK-NSNN)

Tổng chi NSDP thực hiện 09 tháng đầu năm 2018 là 268.401 triệu đồng, đạt 72% dự toán, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển 29.925 triệu đồng, đạt 113% dự toán.
2. Chi thường xuyên 217.632 triệu đồng, đạt 74% dự toán. Chi tiết một số lĩnh vực chi cơ bản như sau: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề là 140.327 triệu đồng, đạt 73% dự toán, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước; Chi khoa học và công nghệ là 45 triệu đồng, đạt 14% dự toán;
3. Chi từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho địa phương là 20.000 triệu đồng.

\* Nhìn chung chi NSDP 09 tháng đầu năm 2018 được kiểm soát chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, đảm bảo kịp thời thực hiện các nhiệm vụ an ninh quốc phòng, an sinh xã hội của địa phương, tập trung nguồn lực để tăng chi đầu tư phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh đó có một số lĩnh vực có tỷ lệ giải ngân còn thấp so với dự toán được giao.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018 của huyện Cư Jút./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CVP, các PCVP UBND huyện;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Đài phát thanh và Truyền hình huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Trang thông tin điện tử Phòng TC-KH;
- Lưu: VP HĐND&UBND huyện.

#### **CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Thị Thanh Hà*

**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

(Kèm theo báo cáo số 414/BC-UBND, ngày 16/10/2018 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2018	Thực hiện 9 tháng năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)</b>	<b>283.800</b>	<b>176.961</b>	<b>62</b>	<b>106.839</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>280.700</b>	<b>174.228</b>	<b>62</b>	<b>106.472</b>
1	Thu từ khu vực DNNN do TW, ĐP quản lý	143.500	74.728	52	68.772
	- Thuế giá trị gia tăng	73.080	32.117	44	40.963
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	400	2.180	545	-1.780
	- Thuế tài nguyên	70.020	40.431	58	29.589
	- Thu khác				
2	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	670	122	18	548
	- Thuế giá trị gia tăng	100	4	4	96
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	570	116	20	454
	- Thuế tài nguyên		2		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	79.050	61.824	78	17.226
	- Thuế giá trị gia tăng	53.850	39.320	73	14.530
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.400	8.029	125	-1.629
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	200	175	88	25
	- Thuế tài nguyên	18.600	13.942	75	4.658
	- Thu khác		358		
4	Thuế thu nhập cá nhân	15.930	9.048	57	6.882
5	Thuế bảo vệ môi trường	-	622		
6	Lệ phí trước bạ	9.300	6.038	65	3.262
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà đất</i>	<i>1.305</i>		<i>0</i>	<i>1.305</i>
7	Thu phí, lệ phí	3.000	2.819	94	181
	- Phí và lệ phí trung ương	500	597	119	-97
	- Phí và lệ phí tỉnh	-	150		
	- Phí và lệ phí huyện, xã	2.500	2.072	83	428
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-			
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	21		
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.000	286	29	714
11	Thu tiền sử dụng đất	10.000	5.730	57	4.270
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN	-			
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-			
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	14.750	11.257	76	3.493
15	Thu khác ngân sách	3.200	1.733	54	1.467
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	300		0	300
17	Thu hồi vốn, thu cổ tức				
	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước				
18					

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2018	Thực hiện 9 tháng năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Tuyệt đối	Tương đối
19	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước				
<b>II</b>	<b>Các khoản thu huy động, đóng góp</b>	<b>3.100</b>	<b>2.733</b>	<b>88</b>	<b>367</b>
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG</b>				
	<b>THEO PHÂN CẤP</b>	<b>53.626</b>	<b>38.274</b>	<b>71</b>	<b>15.352</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	30.526	21.115	69	9.411
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	23.100	17.159	74	5.941



## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo báo cáo số 414/BC-UBND, ngày 16/10/2018 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm 2018	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2018	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>370.537</b>	<b>268.401</b>	<b>72</b>	<b>102.136</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>328.124</b>	<b>247.557</b>	<b>75</b>	<b>80.567</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>26.391</b>	<b>29.925</b>	<b>113</b>	<b>-3.534</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	26.391	29.925	113	-3.534
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>	0			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	8.700	6.457	74	2.243
-	Chi khoa học và công nghệ	0			
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	0			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	8.000	4.000	50	4.000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	0			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0			
3	Chi đầu tư phát triển khác	0			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>293.182</b>	<b>217.632</b>	<b>74</b>	<b>75.550</b>
	<i>Trong đó:</i>	0			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	191.866	140.327	73	51.539
2	Chi khoa học và công nghệ	320	45	14	275
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do CQ địa phương vay</b>	<b>0</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>0</b>			
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>8.551</b>			
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>0</b>			
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>39.313</b>	<b>20.844</b>	<b>53</b>	<b>18.469</b>
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>6.338</b>	<b>844</b>		
-	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	4.039	586	15	3.453
-	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	2.299	258	11	2.041
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>32.975</b>	<b>20.000</b>	<b>61</b>	<b>12.975</b>
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>				

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

(Kèm theo báo cáo số 414/BC-UBND, ngày 16/10/2018 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2018	So sánh (%)	
				Tuyệt đối	Tương đối
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>370.537</b>	<b>301.386</b>	<b>81</b>	<b>69.151</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>53.626</b>	<b>35.541</b>	66	18.085
-	Thu NSDP hưởng 100%	23.100	14.426	62	8.674
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	30.526	21.115	69	9.411
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>313.811</b>	<b>262.794</b>	<b>84</b>	<b>51.017</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	262.034	205.650	78	56.384
2	Thu bổ sung có mục tiêu	51.777	57.144	110	-5.367
<b>III</b>	<b>Thu kết dư</b>				
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>318</b>		
<b>V</b>	<b>Các khoản thu quản lý qua NSNN</b>	<b>3.100</b>	<b>2.733</b>	<b>88</b>	<b>367</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>370.537</b>	<b>268.401</b>	<b>72</b>	<b>102.136</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>328.124</b>	<b>247.557</b>	<b>75</b>	<b>80.567</b>
1	Chi đầu tư phát triển	26.391	29.925	113	-3.534
2	Chi thường xuyên	293.182	217.632	74	75.550
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách	8.551		0	8.551
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>39.313</b>	<b>20.844</b>	<b>53</b>	<b>18.469</b>
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	6.338	844	13	5.494
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	32.975	20.000	61	12.975
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>				
<b>IV</b>	<b>Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN</b>	<b>3.100</b>			